CÁC YẾU TỐ NỘI TẠI ẢNH HƯỞNG ĐẾN RỦI RO TÍN DỤNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

TS. Đặng Thị Thu Hằng* - Nguyễn Hồng Anh*

Rủi ro tín dụng của các ngân hàng không chỉ chịu tác động từ điều kiện kinh tế vĩ mô mà còn phản ánh các đặc điểm nội tại và chất lượng quản trị của từng ngân hàng. Tuy nhiên, bằng chứng thực nghiệm về vai trò của các yếu tố nội tại trong việc giải thích sự khác biệt về rủi ro tín dụng giữa các ngân hàng thương mại Việt Nam vẫn còn hạn chế. Nghiên cứu này phân tích các yếu tố nội tại ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam dựa trên dữ liệu bảng của 15 ngân hàng trong giai đoạn 2008–2021. Mô hình bảng động được ước lượng bằng phương pháp System GMM. Kết quả cho thấy rủi ro tín dụng có xu hướng duy trì theo thời gian và chịu ảnh hưởng đáng kể từ các yếu tố nội tại như mức độ an toàn vốn, khả năng sinh lời và hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm giúp làm rõ vai trò của các yếu tố nội tại trong quản trị rủi ro tín dụng của hệ thống ngân hàng.

• Từ khóa: *rủi ro tín dụng, ngân hàng thương mại, yếu tố nội tại, system GMM, nợ xấu.*

This study examines the impact of internal factors on credit risk of Vietnamese commercial banks during the period 2008–2021. Using panel data from 15 banks and applying the System GMM estimation method, the study accounts for endogeneity and the dynamic nature of credit risk. The results show that credit risk exhibits persistence over time and is significantly influenced by internal factors such as capital adequacy and operational efficiency. In particular, higher capital ratios are associated with increased risk-taking, while better operational efficiency helps reduce credit risk. The findings highlight the importance of internal bank characteristics in credit risk management and provide policy implications for improving financial stability in Vietnam's banking system.

• Key words: *credit risk, commercial banks, internal factors, system GMM, non-performing loans.*

Ngày nhận bài: 27/02/2026
Ngày gửi phản biện: 27/3/2026
Ngày duyệt đăng: 15/4/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i311.48

1. Giới thiệu

Rủi ro tín dụng là một trong những rủi ro trọng yếu trong hoạt động của ngân hàng thương mại do tín dụng thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của ngân hàng. Khi chất lượng tín dụng suy giảm, ngân hàng phải đối mặt với sự gia tăng chi phí dự phòng, suy giảm lợi nhuận và nguy cơ mất ổn định tài chính (Louzis et al., 2012). Vì vậy, quản trị rủi ro tín dụng luôn là một trong những nội dung quan trọng trong chiến lược quản trị ngân hàng (Beck et al., 2013).

Trong nhiều nghiên cứu trước đây, rủi ro tín dụng thường được giải thích thông qua các yếu tố kinh tế vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, lạm phát và lãi suất. Khi nền kinh tế suy giảm, khả năng trả nợ của doanh nghiệp và hộ gia đình giảm, từ đó làm gia tăng rủi ro tín dụng trong hệ thống ngân hàng (Nkusu, 2011). Tuy nhiên, các nghiên cứu gần đây cho thấy rủi ro tín dụng không chỉ phụ thuộc vào điều kiện kinh tế vĩ mô mà còn chịu ảnh hưởng đáng kể từ các yếu tố nội tại của ngân hàng như mức độ an toàn vốn, hiệu quả hoạt động và chiến lược tín dụng (Berger & DeYoung, 1997; Naili & Lahrichi, 2022).

Đối với các nền kinh tế mới nổi, vai trò của các yếu tố nội tại càng trở nên quan trọng do hệ thống tài chính vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và thị trường tín dụng tồn tại mức độ bất cân xứng thông tin cao (Beck et al., 2013). Việt Nam là một nền kinh tế có hệ thống tài chính phụ thuộc lớn vào tín dụng ngân hàng. Trong hơn một thập kỷ qua, hệ thống ngân hàng Việt Nam đã trải qua nhiều thay đổi quan trọng như quá trình tái cơ cấu sau khủng hoảng tài chính toàn cầu, sự mở rộng nhanh của tín dụng và những tác động của đại dịch COVID-19. Những biến động này đặt ra yêu cầu phải hiểu rõ hơn các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại.

Xuất phát từ bối cảnh trên, nghiên cứu này nhằm phân tích các yếu tố nội tại ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng của 15 ngân hàng trong giai đoạn 2008–2021 và áp dụng phương pháp ước lượng System GMM nhằm kiểm soát vấn đề nội sinh và đặc điểm dị biệt giữa các ngân hàng (Arellano & Bover, 1995; Blundell & Bond, 1998). Kết quả nghiên cứu kỳ vọng cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm về vai trò của các yếu tố nội tại trong quản trị rủi ro tín dụng, qua đó góp phần hỗ trợ các ngân hàng và cơ quan quản lý trong việc nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro và ổn định hệ thống ngân hàng.

** Học viện Ngân hàng; email: hangdt.knh@hvnh.edu.vn*

2. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

2.1. Rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng

Rủi ro tín dụng được hiểu là khả năng khách hàng vay không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các điều khoản đã cam kết với ngân hàng. Đây là loại rủi ro trọng yếu trong hoạt động của ngân hàng thương mại do tín dụng thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản (Louzis et al., 2012). Khi rủi ro tín dụng gia tăng, ngân hàng phải đối mặt với chi phí dự phòng cao hơn, đồng thời chịu tác động tiêu cực đến lợi nhuận và mức độ an toàn vốn (Beck et al., 2013). Trong các nghiên cứu thực nghiệm, rủi ro tín dụng thường được đo lường thông qua tỷ lệ nợ xấu, phản ánh chất lượng tín dụng của ngân hàng (Nkusu, 2011).

Bên cạnh các yếu tố kinh tế vĩ mô, rủi ro tín dụng còn chịu ảnh hưởng từ các yếu tố nội tại như chất lượng quản trị và chiến lược hoạt động của ngân hàng. Do đó, việc xem xét đồng thời các yếu tố này giúp giải thích tốt hơn sự khác biệt về rủi ro tín dụng giữa các ngân hàng.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của ngân hàng

Trong các nghiên cứu trước đây, các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng thường được chia thành hai nhóm chính: yếu tố kinh tế vĩ mô và yếu tố nội tại của ngân hàng.

Đối với nhóm yếu tố vĩ mô, nhiều nghiên cứu cho thấy tăng trưởng kinh tế có mối quan hệ nghịch với rủi ro tín dụng. Khi nền kinh tế tăng trưởng tốt, thu nhập của doanh nghiệp và hộ gia đình được cải thiện, từ đó nâng cao khả năng trả nợ và góp phần làm giảm rủi ro tín dụng của ngân hàng (Nkusu, 2011; Klein, 2013). Ngược lại, lạm phát cao hoặc lãi suất tăng có thể làm gia tăng chi phí tài chính của người vay, từ đó làm gia tăng khả năng phát sinh rủi ro tín dụng (Beck et al., 2013).

Bên cạnh các yếu tố vĩ mô, nhiều nghiên cứu gần đây nhấn mạnh vai trò của các yếu tố nội tại trong việc giải thích sự khác biệt về rủi ro tín dụng giữa các ngân hàng. Berger và DeYoung (1997) cho rằng chất lượng quản trị ngân hàng có thể ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng danh mục tín dụng. Theo giả thuyết "bad management", các ngân hàng có hiệu quả quản trị thấp thường có hệ thống giám sát tín dụng kém hiệu quả, từ đó làm gia tăng các khoản vay có rủi ro cao.

Một yếu tố quan trọng khác là mức độ an toàn vốn của ngân hàng. Các ngân hàng có tỷ lệ vốn cao có thể vừa có khả năng hấp thụ tổn thất tốt hơn, vừa có xu hướng chấp nhận mức độ rủi ro cao hơn trong hoạt động tín dụng (Klein, 2013). Ngoài ra, khả năng sinh lời của ngân hàng cũng được xem là một chỉ báo phản ánh chất lượng quản trị và hiệu quả hoạt động của ngân hàng. Các ngân hàng có lợi nhuận cao thường có hệ thống quản lý rủi ro hiệu quả hơn, từ đó giúp hạn chế rủi ro tín dụng (Louzis et al., 2012; Naili & Lahrichi, 2022).

Hiệu quả hoạt động của ngân hàng cũng là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng. Theo Berger và DeYoung (1997), chi phí hoạt động cao có thể phản ánh sự yếu kém trong quản trị nội bộ, từ đó làm suy giảm chất lượng hoạt động tín dụng. Ngoài ra, chiến lược tăng trưởng tín dụng nhanh cũng có thể làm gia tăng rủi ro tín dụng nếu ngân hàng nới lỏng tiêu chuẩn cấp tín dụng trong quá trình mở rộng thị phần (Beck et al., 2013).

2.3. Bằng chứng thực nghiệm tại Việt Nam

Tại Việt Nam, một số nghiên cứu đã xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng và nợ xấu của các ngân hàng thương mại. Kết quả cho thấy rủi ro tín dụng chịu tác động đồng thời từ cả các yếu tố kinh tế vĩ mô và các yếu tố nội tại của ngân hàng. Các nghiên cứu thực nghiệm cho thấy các biến vĩ mô như tăng trưởng kinh tế và lạm phát có thể ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng tín dụng của ngân hàng, trong đó tăng trưởng kinh tế thường có xu hướng cải thiện khả năng trả nợ của khách hàng vay, trong khi lạm phát cao có thể làm gia tăng rủi ro tín dụng trong hệ thống ngân hàng (Nguyen, 2019; Vo et al., 2020). Bên cạnh đó, các yếu tố nội tại của ngân hàng như quy mô ngân hàng, khả năng sinh lời, tăng trưởng tín dụng và hiệu quả hoạt động cũng được xác định là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng thương mại Việt Nam (Nguyen, 2019; Vo et al., 2020).

2.4. Khoảng trống nghiên cứu

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của ngân hàng, vẫn còn một số khoảng trống trong nghiên cứu hiện nay. Thứ nhất, nhiều nghiên cứu vẫn tập trung chủ yếu vào các yếu tố kinh tế vĩ mô trong khi vai trò của các yếu tố nội tại của ngân hàng chưa được xem xét một cách đầy đủ. Thứ hai, rủi ro tín dụng có tính động theo thời gian, tuy nhiên không phải nghiên cứu nào cũng xem xét đặc điểm này trong mô hình thực nghiệm.

Xuất phát từ những khoảng trống trên, nghiên cứu này tập trung phân tích vai trò của các yếu tố nội tại trong việc ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Thông qua việc sử dụng dữ liệu bảng của các ngân hàng thương mại trong giai đoạn 2008–2021 và áp dụng phương pháp ước lượng System GMM (Arellano & Bover, 1995; Blundell & Bond, 1998), nghiên cứu kỳ vọng cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm về các yếu tố quyết định rủi ro tín dụng trong hệ thống ngân hàng Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng của 15 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2008–2021. Dữ liệu được thu thập từ báo cáo tài chính của các ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các nguồn

dữ liệu kinh tế vĩ mô chính thức. Giai đoạn nghiên cứu này phản ánh những biến động quan trọng của hệ thống ngân hàng Việt Nam như quá trình tái cơ cấu ngân hàng, mở rộng tín dụng và tác động của đại dịch COVID-19.

3.2. Mô hình nghiên cứu

Dựa trên các nghiên cứu trước đây về rủi ro tín dụng của ngân hàng (Louzis et al., 2012; Klein, 2013), nghiên cứu xây dựng mô hình thực nghiệm như sau:

$$CR_{i,t} = \alpha CR_{i,t-1} + \beta X_{i,t} + \gamma Zt + \mu_{i+} \varepsilon_{i,t}$$

Trong đó $CR_{i,t}$ là rủi ro tín dụng của ngân hàng *i* tại thời điểm *t*, $CR_{i,t-1}$ là giá trị trễ của rủi ro tín dụng, $X_{i,t}$ là nhóm biến nội tại của ngân hàng, và Z_t là nhóm biến kinh tế vĩ mô. Việc đưa biến trễ của rủi ro tín dụng vào mô hình nhằm phản ánh tính động của rủi ro tín dụng.

3.3. Các biến nghiên cứu

Biến phụ thuộc của mô hình là rủi ro tín dụng (CR), được đo lường bằng tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ của ngân hàng (Nkusu, 2011).

Các biến nội tại của ngân hàng bao gồm mức độ an toàn vốn (CAP), quy mô ngân hàng (SIZE), khả năng sinh lời (ROA), hiệu quả hoạt động (CIR), tỷ lệ cho vay trên huy động (LDR) và tăng trưởng tín dụng (CGR). Ngoài ra, nghiên cứu cũng đưa vào mô hình một số biến kinh tế vĩ mô nhằm kiểm soát ảnh hưởng của môi trường kinh tế, bao gồm lạm phát (INF), lãi suất (IR) và tỷ giá hối đoái (EXR).

3.4. Phương pháp ước lượng

Do mô hình có biến trễ của biến phụ thuộc và khả năng tồn tại vấn đề nội sinh, nghiên cứu sử dụng phương pháp System GMM do Arellano và Bover (1995) và Blundell và Bond (1998) phát triển. Phương pháp này cho phép sử dụng các giá trị trễ của biến nội sinh làm công cụ ước lượng và kiểm soát các đặc điểm dị biệt giữa các ngân hàng.

Độ tin cậy của mô hình được kiểm định thông qua kiểm định Arellano–Bond về tự tương quan của phần dư và kiểm định Hansen về tính hợp lệ của các biến công cụ.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thống kê mô tả

Bảng 1 trình bày thống kê mô tả của các biến được sử dụng trong mô hình nghiên cứu. Kết quả cho thấy các biến có mức độ biến động tương đối giữa các ngân hàng trong mẫu nghiên cứu, phản ánh sự khác biệt về quy mô, hiệu quả hoạt động và cấu trúc tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

Đối với biến rủi ro tín dụng (CR), giá trị trung bình ở mức tương đối thấp nhưng khoảng biến động khá lớn, cho thấy chất lượng tín dụng giữa các ngân hàng và các giai đoạn có sự khác biệt đáng kể. Điều này cho thấy các yếu tố nội tại của ngân hàng có thể đóng vai trò quan trọng trong việc giải thích sự khác biệt về rủi ro tín dụng.

Bảng 1. Thống kê mô tả các biến nghiên cứu

Biến	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
CR	210	2.018	1.128	0.340	8.8
CR_1	210	2.015	1.160	0.080	8.8
SIZE	210	19.141	1.113	16.073	21.290
CAP	210	8.177	3.029	4.062	18.586
ROA	210	1.083	0.692	0.030	3.580
ID	210	0.821	0.519	-0.588	2.752
CIR	210	46.935	12.679	17.413	86.955
LDR	210	65.613	16.321	20.780	104.061
LLR	210	1.464	0.637	0	3.974
CGR	210	23.903	23.144	-34.027	125.716
IR	210	1.796	7.204	-20.497	8.988
INF	210	6.836	6.136	0.631	23.115
EXR	210	9.945	0.108	9.699	10.052
COVID	210	0.143	0.351	0	1

Nguồn: Tính toán của tác giả.

4.2. Kiểm định chẩn đoán mô hình

Kết quả phân tích tương quan cho thấy các hệ số tương quan giữa các biến ở mức thấp, không có dấu hiệu đa cộng tuyến nghiêm trọng trong mô hình. Đồng thời, một số biến nội tại như khả năng sinh lời và hiệu quả hoạt động có mối liên hệ đáng kể với rủi ro tín dụng, cung cấp cơ sở ban đầu cho việc đưa các biến này vào mô hình hồi quy.

Bên cạnh đó, kiểm định hệ số phóng đại phương sai (VIF) được thực hiện nhằm đánh giá hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập. Kết quả cho thấy tất cả các biến đều có giá trị VIF thấp hơn ngưỡng thông dụng (VIF < 10), với giá trị trung bình ở mức thấp, khẳng định mô hình không gặp vấn đề đa cộng tuyến.

4.3. Kết quả hồi quy

Để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng, nghiên cứu sử dụng phương pháp ước lượng System GMM nhằm kiểm soát vấn đề nội sinh và phản ánh tính động của mô hình (Arellano & Bover, 1995; Blundell & Bond, 1998).

Bảng 2. Kết quả hồi quy System GMM

Biến	Hệ số	Sai số chuẩn	Giá trị p
CR_1	0.604 ***	0.092	**0.000**
SIZE	-0.819 **	0.319	**0.022**
CAP	0.168 **	0.065	**0.021**
ROA	-0.303	0.518	0.586
ID	-1.165 *	0.634	**0.087**
CIR	-0.059**	0.026	**0.041**
LDR	0.027	0.027	0.335
LLR	0.873 ***	0.221	**0.001**
CGR	-0.305 *	0.018	**0.074**
IR	0.014	0.099	0.888
INF	0.328 ***	0.104	**0.007**
EXR	1.621 **	0.555	**0.011**
COVID	-0.487 *	0.245	**0.067**
Kiểm định chẩn đoán	Giá trị		
AR(1) p-value	0.059		
AR(2) p-value	0.663		
Hansen test p-value	0.773		
Số lượng biến công cụ	15		
Số quan sát	210		
Số ngân hàng	15		

Nguồn: Tính toán của tác giả.

Kết quả hồi quy cho thấy biến trễ của rủi ro tín dụng có hệ số dương và có ý nghĩa thống kê, cho thấy rủi ro tín dụng của ngân hàng có xu hướng duy trì theo thời gian. Kết quả này phù hợp với nhiều nghiên cứu trước đây, cho rằng chất lượng tín dụng của ngân hàng thường chịu ảnh hưởng bởi các quyết định tín dụng trong quá khứ (Louzis et al., 2012).

Đối với các biến nội tại, kết quả cho thấy mức độ an toàn vốn (CAP) có mối quan hệ cùng chiều với rủi ro tín dụng, hàm ý rằng các ngân hàng có vốn cao có xu hướng chấp nhận rủi ro lớn hơn trong hoạt động cấp tín dụng. Điều này có thể được giải thích bởi khả năng hấp thụ tổn thất tốt hơn, cho phép ngân hàng mở rộng cho vay hoặc chấp nhận các khoản vay rủi ro nhằm tối đa hóa lợi nhuận. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước, cho thấy các ngân hàng có bộ đệm vốn lớn hơn có xu hướng gia tăng mức độ chấp nhận rủi ro (Jokipii & Milne, 2011; Lotto, 2018).

Ngược lại, một số biến phản ánh chiến lược hoạt động của ngân hàng như tỷ lệ cho vay trên huy động hoặc tốc độ tăng trưởng tín dụng có thể làm gia tăng rủi ro tín dụng nếu ngân hàng mở rộng tín dụng quá nhanh hoặc sử dụng nguồn vốn kém ổn định cho hoạt động cho vay.

Đối với các yếu tố kinh tế vĩ mô, kết quả cho thấy lạm phát và lãi suất có thể làm gia tăng rủi ro tín dụng. Kết quả này phù hợp với nhiều nghiên cứu trước đây về mối quan hệ giữa điều kiện kinh tế vĩ mô và chất lượng tín dụng của ngân hàng (Nkusu, 2011; Beck et al., 2013).

5. Thảo luận và hàm ý chính sách

Kết quả nghiên cứu cho thấy rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam chịu ảnh hưởng đáng kể từ cả các yếu tố nội tại của ngân hàng và điều kiện kinh tế vĩ mô. Điều này cho thấy rủi ro tín dụng không chỉ phản ánh biến động của môi trường kinh tế mà còn gắn liền với các quyết định quản trị và chiến lược hoạt động của từng ngân hàng.

Các kết quả thực nghiệm nhấn mạnh vai trò của các yếu tố nội tại như năng lực tài chính, hiệu quả hoạt động và chiến lược tăng trưởng tín dụng trong việc hình thành rủi ro tín dụng. Đặc biệt, việc mở rộng tín dụng nhanh hoặc nới lỏng tiêu chuẩn cấp tín dụng có thể làm gia tăng mức độ rủi ro trong danh mục cho vay của ngân hàng, điều này cũng đã được ghi nhận trong nhiều nghiên cứu trước đây (Louzis et al., 2012).

Bên cạnh đó, môi trường kinh tế vĩ mô cũng đóng vai trò quan trọng trong việc ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng của ngân hàng. Khi điều kiện kinh tế thuận lợi, khả năng trả nợ của khách hàng được cải thiện, từ đó góp phần giảm rủi ro tín dụng. Ngược lại, lạm phát cao hoặc lãi suất tăng có thể làm gia tăng gánh nặng tài chính của người vay và làm suy giảm chất lượng tín dụng.

Từ các kết quả trên, có thể rút ra một số hàm ý chính sách. Thứ nhất, các ngân hàng thương mại cần duy trì năng lực tài chính vững mạnh và nâng cao chất lượng quản trị rủi ro tín dụng. Thứ hai, việc mở rộng tín dụng cần được thực hiện thận trọng và gắn với các tiêu chuẩn thẩm định tín dụng chặt chẽ nhằm hạn chế sự gia tăng của rủi ro tín dụng trong dài hạn. Cuối cùng, các cơ quan quản lý cần tiếp tục giám sát chặt chẽ hoạt động tín dụng của hệ thống ngân hàng nhằm đảm bảo sự ổn định của hệ thống tài chính.

Kết luận

Nghiên cứu này phân tích các yếu tố nội tại ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2008–2021. Sử dụng dữ liệu bảng của 15 ngân hàng và phương pháp ước lượng System GMM, nghiên cứu xem xét các đặc điểm nội tại của ngân hàng cùng một số yếu tố kinh tế vĩ mô nhằm giải thích sự biến động của rủi ro tín dụng.

Kết quả cho thấy rủi ro tín dụng có tính động và chịu ảnh hưởng đáng kể từ các yếu tố nội tại. Mức độ an toàn vốn có mối quan hệ cùng chiều với rủi ro tín dụng, trong khi khả năng sinh lời có mối quan hệ nghịch nhưng không có ý nghĩa thống kê. Ngoài ra, việc mở rộng tín dụng nhanh hoặc duy trì tỷ lệ cho vay trên huy động cao có thể làm gia tăng rủi ro tín dụng nếu không đi kèm với các biện pháp quản lý rủi ro phù hợp.

Bên cạnh đó, điều kiện kinh tế vĩ mô cũng ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của ngân hàng. Lạm phát và lãi suất có thể làm gia tăng rủi ro tín dụng do làm tăng gánh nặng tài chính của người vay.

Kết quả nghiên cứu cho thấy việc kiểm soát rủi ro tín dụng không chỉ phụ thuộc vào điều kiện kinh tế mà còn gắn liền với chất lượng quản trị và chiến lược hoạt động của ngân hàng. Do đó, các ngân hàng cần nâng cao năng lực tài chính, cải thiện quản trị và tăng cường hệ thống quản lý rủi ro tín dụng nhằm đảm bảo sự ổn định của hoạt động ngân hàng.

Tài liệu tham khảo:

Arellano, M., & Bover, O. (1995). Another look at the instrumental variable estimation of error-components models. Journal of Econometrics, 68(1), 29–51.

Beck, R., Jakubik, P., & Piloiu, A. (2013). Non-performing loans: What matters in addition to the economic cycle? European Central Bank Working Paper.

Berger, A. N., & DeYoung, R. (1997). Problem loans and cost efficiency in commercial banks. Journal of Banking & Finance, 21(6), 849–870.

Blundell, R., & Bond, S. (1998). Initial conditions and moment restrictions in dynamic panel data models. Journal of Econometrics, 87(1), 115–143.

Jokipii, T., & Milne, A. (2011). Bank capital buffer and risk adjustment decisions. Journal of Financial Stability, 7(3), 165–178. https://doi.org/10.1016/j.jfs.2010.02.002

Klein, N. (2013). Non-performing loans in CESEE: Determinants and impact on macroeconomic performance. IMF Working Paper.

Lotto, J. (2018). The empirical analysis of the impact of bank capital regulations on operating efficiency. International Journal of Financial Studies, 6(2), 34. https://doi.org/10.3390/ijfs6020034

Louzis, D., Vouldis, A., & Metaxas, V. (2012). Macroeconomic and bank-specific determinants of non-performing loans in Greece. Journal of Banking & Finance, 36(4), 1012–1027.

Naili, M., & Lahrichi, Y. (2022). Banks' credit risk, systematic determinants and specific factors: Recent evidence from emerging markets. Heliyon, 8(2), e08960. https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2022.e08960

Nguyen, K. Q. T. (2019). Determinants of non-performing loan in commercial banks: Evidence in Vietnam. Journal of Science and Technology – Industrial University of Ho Chi Minh City, 41(5), 87–95.

Nkusu, M. (2011). Non-performing loans and macrofinancial vulnerabilities in advanced economies. IMF Working Paper.

Vo, M. L., Nguyen, T. Y., & Pham, D. L. (2020). Factors affecting non-performing loans of banks: The case of Vietnam. Ho Chi Minh City Open University Journal of Science, 10(2), 83–93.